TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HNGĐ - ST
Ngày 18/01/2021
"V/v chia tài sản sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Miện
2. Ông Nguyễn Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp chia tài sản sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67a 64/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 30/11/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quý P, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn An Hòa, xã Đoan Bái, Hiệp Hòa, Bắc Giang (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn An Hòa, xã Đoan Bái, Hiệp Hòa, Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 14/7/2020, Bản tự khai ghi ngày 20/9/2020, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Quý P trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu D kết hôn với nhau năm 2002. Quá trình chung sống, do anh D không tu chí làm ăn, thường xuyên cờ bạc nên vợ chồng không có khả năng mua được đất ở mà phải đi ở nhờ nhà bác ruột chị. Năm 2009, ông nội và bố mẹ đẻ chị đã cho chị 01 lô đất nhưng do anh D không muốn ở gần gia đình bên vợ nên vợ chồng chị đã nộp hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất và đã đấu giá được thửa đất số 39, tờ bản đồ T.Đo diện tích 168m2 địa chỉ tại xóm Bãi Tre, thôn An Hòa, xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa. Vợ chồng chị đã phải bản lô đất mà trước đó chị được gia đình chị cho, được số tiền 125.000.000đồng để lấy tiền nộp. Sau khi đấu giá được lô đất nêu trên, vợ chồng chị đã quyết định làm nhà và sinh sống tại đó. Đến ngày 27/3/2012 được UBND huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 980845 đối với thửa đất số

39, tờ bản đồ trích đo, với diện tích 168m^2 , đứng tên anh Nguyễn Hữu D. Cũng trong thời gian đó, vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị đã khởi kiện xin ly hôn anh D. Tại Bản án số 17/2012/HNNGĐ-ST ngày 06/7/2012, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã xử cho chị được ly hôn anh D. Về phần tài sản Tòa án không giải quyết do lúc đó chị chưa có yêu cầu.

Sau khi giải quyết ly hôn, ngày 09/9/2013, anh D đã tự ý chuyển nhượng 81,4m2 đất trong tổng diện tích 168m2 của vợ chồng cho người khác nên diện tích đất ở của vợ chồng chỉ còn lại 86,6m2 và căn nhà trần gắn liền với đất, hiện anh D đang quản lý, sử dụng. Nay chị khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất ở còn lại 86,6m2 và tài sản gắn liền với phần đất đó. Chị tự nguyện không có yêu cầu gì đối với phần diện tích 81,4m2 mà anh D đã tự ý chuyển nhượng trước đó.

Về phía anh Nguyễn Hữu D là bị đơn trong vụ án, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Quý P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản sau ly hôn là quyền sử dụng 86,6m2 và tài sản gắn liền với đất tại xóm Bãi Tre, thôn An Hòa, xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa. Chị yêu cầu hưởng bằng hiện vật và chia giá trị bằng tiền cho anh D, nếu không được thì chị đồng ý nhận giá trị chia bằng tiền. Anh Nguyễn Hữu D vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên toà nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Toà án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 37, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18, 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quý P. Xác định diện tích đất 86,6m^2 tại xóm Bãi Tre, thôn An Hòa, xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 980845, thửa đất số 39, tờ bản đồ trích đo, cấp ngày 27/3/2012 đứng tên anh Nguyễn Hữu D, hiện nay là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 14) và tài sản trên đất là nhà 01 tầng, mái vẩy khung sắt, lợp tôn, cửa xếp bằng sắt, tổng trị giá là 1.016.000.000đ là tài sản chung của chị Nguyễn Thị Quý P và anh Nguyễn Hữu D. Giao cho anh Nguyễn Hữu D được quyền sử dụng đất và được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, nhưng anh D phải chia tài sản cho chị Nguyễn Thị Quý P giá trị bằng tiền là 508.000.000đ (năm trăm linh tám triệu đồng).

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quý P và anh Nguyễn Hữu D mỗi người phải chịu 24.320.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền chị P đã nộp tạm ứng án phí là 17.000.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0003716 ngày 29/7/2020 của chi cục THADS huyện Hiệp Hòa được khấu trừ vào tiền án phí chị P phải nộp (Chị P còn phải nộp tiếp 7.320.000đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Mặc dù bị đơn là anh Nguyễn Hữu D vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên cần áp dụng khoản 2 điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh D.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngoài đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn, chị P còn nộp các tài liệu chứng cứ để chứng minh về quan hệ tài sản giữa chị và anh D được xác lập trong thời ký hôn nhân, đồng thời Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập tài liệu chứng cứ. Về phía anh D, mặc dù đã được giao các văn bản tố tụng nhưng anh D không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị P, không nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh quyền lợi của mình, cũng không đến Tòa án làm việc nên anh D phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, kết quả tranh luận tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ tài sản giữa chị Nguyễn Thị Quý P và anh Nguyễn Hữu D: Anh chị xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp năm 2002. Trong quá trình chung sống, năm 2009, chị P được gia đình chị cho 01 lô đất, sau đó anh chị đã bán lô đất cho người khác, đồng thời sử dụng số tiền bán đất này để nộp trả vào lô đất mà anh chị trúng đấu giá, là thửa đất số 39, tờ bản đồ T.Đo diện tích 168m2 địa chỉ tại xóm Bãi Tre, thôn An Hòa, xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa. Sau khi đấu giá mua được lô đất nêu trên, vợ chồng anh chị đã làm nhà và sinh sống tại đó. Tuy nhiên, thời điểm đó vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn và chị P xin ly hôn anh D nên một mình anh D đứng ra làm thủ tục kê khai cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Do đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 980845 ngày 27/3/2012, của UBND huyện Hiệp Hòa đối với thửa đất số 39, tờ bản đồ trích đo, với diện tích 168m^2 mang tên anh Nguyễn Hữu D.

[3]. Về yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của chị P: Mặc dù Giấy CNQSD đất nêu trên cấp cho anh D được sử dụng riêng đối với thửa đất 168m2 thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ T.Đo diện tích 168m2 nhưng đây là tài sản do anh chị phát triển trong thời kỳ hôn nhân, anh chị đã làm nhà trên đất và chung sống cùng nhau trên nhà đất này trước thời điểm ly hôn. Chị P chứng minh được nguồn gốc, quyền sử dụng chung với anh D về diện tích đất này. Anh D không đưa ra chứng cứ, tài liệu chứng minh thửa đất thuộc quyền sử dụng riêng của anh D nên cần xác định diện tích đất ở và nhà, tài sản trên đất là tài sản chung của chị P và anh D. Nay chị P tự nguyện không có yêu cầu gì đối với 1 phần diện tích (81,4m2) trong thửa đất 168m2 mà anh D đã bán, chỉ yêu cầu anh D phân chia diện tích còn lại là 86,6m2 và tài sản trên đất. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị P là tự nguyện, có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 27/11/2020 thì tài sản chung còn lại mà chị P yêu cầu phân chia trị giá như sau: Đất ở trị giá 866.000.000đ; tài sản trên đất gồm nhà ở, mái vẩy khung sắt lợp tôn, cửa xếp trị giá 150.000.000đ. Tổng trị giá 1.016.000.000đ. Xét thấy hiện nay anh D đang quản lý, sử dụng ổn định nhà đất này, ngoài chỗ ở này thì anh D không có chỗ ở khác. Mặt khác, diện tích đất ở, nhà ở

không thể tách chia để anh chị cùng được sở hữu, sử dụng được. Vì vậy, cần tiếp tục giao cho anh D được sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản trên đất nhưng phải chia bằng tiền cho chị P ½ giá trị khối tài sản nêu trên, cụ thể là 508.000.000đ.

[4]. Về án phí: Chị P và anh D không thuộc trường hợp được miễn án phí nên anh, chị phải chịu án phí chia tài sản (có giá ngạch) theo quy định của pháp luật).

[5]. Về chi phí định giá: Số tiền chi phí định giá là 1.700.000đ, chị P đã nộp đủ và thỏa thuận chịu cả nên nghĩa vụ này không đặt ra đối với anh D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 147, 165, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18, 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quý P. Xác định diện tích đất ở 86,6m^2 tại xóm Bãi Tre, thôn An Hòa, xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (trong thửa đất số 39, tờ bản đồ T.Đo theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 980845 ngày 27/3/2012 của UBND huyện Hiệp Hòa), hiện nay là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 14 và tài sản trên đất gồm có nhà ở, mái vẩy khung sắt, lợp tôn, cửa xếp bằng sắt, tổng trị giá là 1.016.000.000đ là tài sản chung của chị Nguyễn Thị Quý P và anh Nguyễn Hữu D.

Giao cho anh Nguyễn Hữu D được quyền sử dụng 86,6m^2 đất ở nêu trên và được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nhà ở, mái vẩy khung sắt, lợp tôn, cửa xếp bằng sắt (hiện đều do anh D quản lý), nhưng anh Nguyễn Hữu D phải có nghĩa vụ chia tài sản bằng tiền cho chị Nguyễn Thị Quý P là 508.000.000đ (năm trăm linh tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Quý P và anh Nguyễn Hữu D mỗi người phải chịu 24.320.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xác nhận chị P đã nộp tạm ứng án phí là 17.000.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0003716 ngày 29/7/2020 của chi cục THADS huyện Hiệp Hòa, khấu trừ vào tiền án phí chị P phải nộp, chị P còn phải nộp tiếp 7.320.000đồng (bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí.

- Về chi phí định giá: Chị Nguyễn Thị Quý P thỏa thuận nộp cả 1.700.000đ tiền chi phí định giá (chị P đã nộp đủ).

Báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hoà
- Chi cục THA DS Hiệp Hoà
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà